

Số: 08/2019/QĐST-VDS

Đồ Sơn, ngày 22 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất tích

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Hữu Trường

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-VDS ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2019/QĐST-VDS ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-VDS ngày 15 tháng 11 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1952; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Ông Bùi Minh H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu đề ngày 01-7-2019 và Bản tự khai đề ngày 03-7-2019, người yêu cầu là bà Bùi Thị Th trình bày:

Bố, mẹ của bà là cụ Bùi Đức H và cụ Nguyễn Thị G có 5 người con là: Bùi Thị L, sinh năm 1952; Bùi Thị T, sinh năm 1954; Bùi Minh H, sinh năm 1959, Bùi Đức P, sinh năm 1969 và bà.

Ông Bùi Đức P là em trai bà. Trước năm 1993, ông P chung sống cùng cụ H, cụ G và bà L tại thôn Đ, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nay tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Năm 1993, ông P bỏ nhà đi nhưng không báo cho gia đình biết đi đâu. Trước khi bỏ đi, ông P chưa có vợ, con. Từ đó đến nay, ông P không về thăm gia đình, không liên lạc với bất kỳ ai trong gia đình bà. Năm 2013, cụ G chết; năm 2014, cụ H chết nhưng ông P vẫn không về chịu tang và cũng không liên lạc về với người thân để hỏi thăm.

Cũng từ đó đến nay, bà cùng anh, chị trong gia đình đã cố gắng tìm kiếm, thậm chí có đăng tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cũng không biết tung tích của ông P ở đâu.

Đến nay, bố, mẹ bà đều đã chết; ông P đã biệt tích hơn 25 năm; để tiện cho việc quản lý di sản của bố mẹ bà để lại, bà đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố ông P mất tích theo quy định của pháp luật.

Trong các các bản tự khai đề ngày 03-7-2019, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà L, bà T và ông H thống nhất trình bày:

Cụ H và cụ G có 5 người con là: Bà L, sinh năm 1952; bà T, sinh năm 1954; ông H, sinh năm 1959, bà Th, sinh năm 1964 và ông P, sinh năm 1969.

Trước năm 1993, ông P chung sống cùng cụ H, cụ G và bà L tại thôn Đ, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nay là tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Năm 1993, ông P bỏ nhà đi nhưng không báo cho bố, mẹ và các anh, chị biết là đi đâu. Trước khi bỏ đi, ông P chưa có vợ, con. Từ đó đến nay, ông P không về thăm gia đình, không liên lạc với bất kỳ người thân nào trong gia đình. Khi cụ G và cụ H chết, ông P không về và cũng không liên lạc hỏi thăm.

Hơn 25 năm nay, ông P đã biệt tích. Các ông, bà đã cố gắng tìm kiếm, đăng tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cũng không biết tung tích của ông P ở đâu. Lời khai của bà Th là hoàn toàn đúng sự thật. Việc bà Th yêu cầu Tòa án tuyên bố ông P mất tích là cần thiết, thuận tiện cho việc quản lý di sản của cụ G và cụ H để lại. Vì vậy, các ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà Th, tuyên bố ông P mất tích theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, các ông, bà không có ý kiến khác.

Tại phiên họp, người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày: Giữ nguyên nội dung trong đơn yêu cầu và các bản tự khai đã giao nộp cho Tòa án; khi bỏ nhà đi, ông P đã mang theo hết các giấy tờ tùy thân của ông; khi đó, ngoài tư trang cá nhân, ông P không có tài sản riêng; đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà Th, tuyên bố ông P mất tích theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà Th, tuyên bố ông P mất tích; bà Th phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Bà Bùi thị Th yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Bùi Đức P mất tích. Đây là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú cuối cùng ông P là: Thôn Đ, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nay tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quyền yêu cầu: Bà Th và ông P là chị em ruột, là đồng thừa kế đối với di sản của cụ Bùi Đức H và cụ Nguyễn Thị G để lại. Việc tuyên bố ông P mất tích có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th nên bà Th có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố ông P mất tích.

Xét yêu cầu của bà Th:

[3] Lời trình bày của bà Th phù hợp với lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, xác định: Từ năm 1993, ông P bỏ nhà đi, không khai báo với chính quyền địa phương, không cho bố, mẹ và các anh, chị của ông P biết là đi đâu. Khi đi, ông P chưa có vợ, con; ngoài tư trang cá nhân, ông P không có tài sản riêng. Từ đó đến nay, ông P không về địa phương; không liên lạc với người thân. Chính quyền địa phương, tổ trưởng tổ dân phố nơi ông P cư trú cuối cùng và anh, chị của ông P là bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị T và ông Bùi Minh H đều xác nhận ông P đã biệt tích từ năm 1993 đến nay. Bà L, bà T và ông H cũng đã đi tìm kiếm và thông báo tìm kiếm ông P trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cũng không có tin tức của ông P.

[4] Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích và đăng, phát thông báo tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 05-7-2019; trên Báo Công lý vào các số 56, 57 và 58 ra các ngày 12, 17 và 19-7-2019; trên Đài Tiếng nói Việt Nam vào các ngày 19, 20 và 21-7-2019 và trên Trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo tìm kiếm lần đầu tiên (Ngày 05-7-2019), Tòa án vẫn chưa nhận được tin tức gì của ông P.

[5] Xét thấy, ông P đã biệt tích từ năm 1993 đến nay, mặc dù Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc ông P còn sống hay đã chết nên có đủ cơ sở để Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà Th, tuyên bố ông P mất tích

theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về lệ phí: Bà Th là người yêu cầu nên phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Th, bà L, bà T và ông H có quyền kháng cáo quyết định theo Điều 371 và khoản 1 Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 370, Điều 371, Điều 372 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Th, tuyên bố ông Bùi Đức P, sinh năm 1969; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nay tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng mất tích.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Th phải nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007013 ngày 02-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; bà Th đã nộp đầy đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Th, bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị T và ông Bùi Minh H có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường M, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Hữu Trường